从前 时期

bēi

至今

zhìjīn

满足

mǎnzú

dåting

银子

yínzi

cóngqián

HSK 5 - L4 - 1/3

农民

nóngmín

shíqī



流传

liúchuán



zhŭrén

老实

lǎoshi

xiàojìng



结实

jiēshi

zhèn



qínfèn

hòubèi